

Bản án số: **21** /2024/HNGD-ST
Ngày 04 tháng 6 năm 2024
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tuấn

2. Bà Dương Thị Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình: Không tham gia phiên tòa

Ngày 04 tháng 6 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 50/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST – DS, ngày 23/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm T, xã Ú, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị H có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Dương Văn C, sinh năm 1976

Địa chỉ: Xóm T, xã Ú, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Anh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Dương Văn C tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ú, huyện P, tỉnh Thái Nguyên vào năm 2005.

Việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối gì. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh **C** luôn gây sự đánh chửi chị. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn vì vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu, không thể quay về đoàn tụ tiếp tục chung sống cùng nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Dương Văn C**, để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu **Dương Quang Đ**, sinh ngày 24/8/2006. Cháu cũng gần đủ 18 tuổi nên chị tôn trọng quyết định của con. Trường hợp chị trực tiếp nuôi con, chị không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về công nợ chung: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Anh **Dương Văn C** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị **Nguyễn Thị H** được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Ú**, huyện **P**, tỉnh **Thái Nguyên** vào năm 2005. Việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối gì. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian sau đó có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống sinh hoạt gia đình. Anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cho con có bố có mẹ. Do vậy, chị **H** đề nghị ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu **Dương Quang Đ**, sinh ngày 24/8/2006. Nếu như phải ly hôn thì anh **C** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **Dương Quang Đ** vì con đang sinh sống ổn định cùng anh. Anh không yêu cầu chị **H** cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về công nợ chung: Không có

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị **H** và anh **C** không thể thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên phải đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa chị **Nguyễn Thị H** vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **C**, còn về con chung vì cháu **Đ** cũng đã lớn gần đủ 18 tuổi, hiện đang sinh sống ổn định cùng anh **C** nên khi ly hôn chị đồng ý giao cháu

Đ cho anh **C** trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, về tài sản chung, công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Dương Văn C** kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã **Ú**, huyện **P**, tỉnh **Thái Nguyên** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 04/11/2005. Vì nhiều nguyên nhân, nay chị **Nguyễn Thị H** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **Dương Văn C** có nơi cư trú tại **xóm T, xã Ú, huyện P, tỉnh Thái Nguyên**. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự tham gia tố tụng của đương sự:

Ngày 23/5/2024 Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn anh **Dương Văn C** mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, Điều 227 của Bộ Luật tố tụng Dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2024/QĐST- DS ngày 23 /5/2024 và đồng thời tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bị đơn. Tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn anh **Dương Văn C** vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Dương Văn C** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Lý do chị **H** xin ly hôn anh **C** là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, ngọt ngạt. Vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị **H** xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin ly hôn anh **C**. Về phía anh **C**, anh xác định hai vợ chồng vẫn còn tình cảm và mong muốn chị **H** quay về đoàn tụ, nhưng anh **C** không có biện pháp gì để thuyết phục chị **H**, quay về đoàn tụ, hiện tại vợ chồng vẫn đang sống ly thân.

Xét thấy, chị **H** và anh **C** sống ly thân nhau đã lâu, không còn sự quan tâm, chia sẻ yêu thương nhau trong cuộc sống, như vậy mục đích hôn nhân giữa chị **H** và anh **C**

không đạt được, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, nên cần chấp nhận cho chị **H** được ly hôn anh **C** là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Chị **H** và anh **C** có 01 con chung là cháu **Dương Quang Đ**, sinh ngày 24/8/2006. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu **Đ** đã gần đủ 18 tuổi, hiện đang sinh sống ổn định cùng anh **C**, trong quá trình giải quyết anh **C** có nguyện vọng muốn tiếp tục được nuôi con, tại phiên tòa chị **H** cũng nhất trí giao con cho anh **C** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Vì vậy, cần giao cháu **Dương Quang Đ**, sinh ngày 24/8/2006 cho anh **C** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, chị **H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị **H** và anh **C** xác định không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về công nợ chung*: Các bên đương sự xác định không có.

[2.5] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[2.6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị H**, cho chị **H** được ly hôn với anh **Dương Văn C**.

2. Về con chung: Giao cho anh Dương Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Quang Đ, sinh ngày 24/8/2006 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

4. Về công nợ chung: Không có

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003752 ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

6. Thông báo về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn (chị H) báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn (anh C) báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án này được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (01 bản);
- VKS ND huyện, tỉnh (02 bản);
- T.H.A DS huyện (01 bản);
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã Úc Kỳ;
- Lưu HS, VP, bộ phận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy